jiǎng zhāng

奖章

noun · medal

Example Sentences

tā huò dé le yī méi jīn pái jiǎng zhāng
他 获 得 了 一 枚 金 牌 奖 章 。

He received a gold medal.

zhè méi jiǎng zhāng dài biǎo le tā de róng yù
这 枚 奖 章 代 表 了 他 的 荣 誉 。

This medal represents his honor.

Trace each character, then write the word on your own.

奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖 奖

奖

章 章 章 章 章 章 章 章 章 章 章

章 章 章